

THÔNG TƯ
Quy định Chế độ báo cáo thống kê ngành Tư pháp

Căn cứ Luật Thống kê số 89/2015/QH13; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê số 01/2021/QH15;

Căn cứ Nghị định số 94/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê;

Căn cứ Nghị định số 94/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị định số 62/2024/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều, phụ lục của Nghị định số 94/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê và Nghị định số 94/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Nghị định số 39/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kế hoạch - Tài chính;

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Thông tư quy định Chế độ báo cáo thống kê ngành Tư pháp.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định chế độ báo cáo thống kê ngành Tư pháp để thu thập thông tin thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia do Bộ Tư pháp chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp; thông tin thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Tư pháp và thông tin thống kê khác phục vụ yêu cầu quản lý ngành, lĩnh vực.

2. Chế độ báo cáo thống kê quy định tại Thông tư này áp dụng đối với hoạt động thống kê trong các lĩnh vực sau:

a) Thẩm định chính sách, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật;

- b) Xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật;
- c) Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền;
- d) Rà soát văn bản quy phạm pháp luật
- đ) Phổ biến, giáo dục pháp luật;
- e) Hòa giải ở cơ sở;
- g) Chuẩn tiếp cận pháp luật;
- h) Hộ tịch;
- i) Quốc tịch;
- k) Nuôi con nuôi;
- l) Chứng thực;
- m) Công chứng;
- n) Luật sư;
- o) Giám định tư pháp;
- p) Đấu giá tài sản;
- q) Trọng tài thương mại;
- r) Trợ giúp pháp lý;
- s) Đăng ký biện pháp bảo đảm;
- t) Tương trợ tư pháp về dân sự;
- u) Pháp chế;
- v) Hòa giải thương mại;
- x) Quản lý thanh lý tài sản;
- y) Hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

3. Đối với lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Tư pháp không quy định tại khoản 2 Điều này, hoạt động thống kê hoặc có tính chất thống kê thực hiện theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh lĩnh vực đó.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ.
2. Ủy ban nhân dân các cấp.
3. Đơn vị thuộc Bộ Tư pháp.
4. Sở Tư pháp và cơ quan chuyên môn khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
5. Doanh nghiệp nhà nước.

6. Tổ chức hành nghề luật sư, công chứng, đấu giá tài sản, quản lý thanh lý tài sản.

7. Tổ chức giám định tư pháp, hòa giải thương mại, trọng tài thương mại.

8. Hòa giải viên thương mại vụ việc, Quản tài viên đăng ký hành nghề cá nhân.

9. Cơ quan đăng ký biện pháp bảo đảm, giao dịch, tài sản.

10. Tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý.

11. Cơ quan, tổ chức khác có liên quan theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Nội dung chế độ báo cáo thống kê

1. Biểu mẫu báo cáo:

a) Danh mục báo cáo thống kê ngành Tư pháp (gồm: số thứ tự, ký hiệu biểu, tên biểu, kỳ báo cáo, đơn vị báo cáo, đơn vị nhận báo cáo) quy định tại Phụ lục I kèm theo Thông tư này;

b) Hệ thống biểu mẫu báo cáo thống kê và nội dung giải thích biểu mẫu (gồm: khái niệm, phương pháp tính, cách ghi biểu, nguồn số liệu) quy định tại Phụ lục IV kèm theo Thông tư này.

2. Đơn vị báo cáo và đơn vị nhận báo cáo:

a) Đơn vị báo cáo được ghi cụ thể tại góc trên, bên phải của từng biểu mẫu báo cáo;

b) Đơn vị nhận báo cáo được ghi cụ thể tại góc trên, bên phải của từng biểu mẫu báo cáo, dưới dòng ghi đơn vị báo cáo.

3. Kỳ báo cáo:

Kỳ báo cáo thống kê là khoảng thời gian nhất định quy định đơn vị báo cáo thống kê phải thể hiện kết quả hoạt động bằng số liệu theo các tiêu chí thống kê trong biểu mẫu báo cáo thống kê. Kỳ báo cáo thống kê được ghi ở phần giữa của từng biểu mẫu báo cáo, dưới tên biểu. Các kỳ báo cáo thống kê gồm:

a) Kỳ báo cáo sơ bộ 6 tháng: gồm số liệu thực tế tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 5 năm báo cáo;

b) Kỳ báo cáo sơ bộ năm: gồm số liệu thực tế tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 10 năm báo cáo;

c) Kỳ báo cáo thống kê tròn năm: gồm toàn bộ số liệu thực tế tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm báo cáo;

d) Báo cáo thống kê đột xuất: được thực hiện để Bộ Tư pháp thu thập, tổng hợp thông tin ngoài các thông tin thống kê được thu thập, tổng hợp theo định kỳ

quy định tại các điểm a, b, c khoản này. Thời điểm lấy số liệu, thời hạn báo cáo, nội dung cụ thể của báo cáo thống kê đột xuất thực hiện theo yêu cầu bằng văn bản do Lãnh đạo Bộ Tư pháp ký.

4. Thời hạn nhận báo cáo thống kê:

Thời hạn nhận báo cáo thống kê của từng đơn vị nhận báo cáo được ghi cụ thể tại góc trên, bên trái của từng biểu mẫu báo cáo thống kê, dưới dòng ký hiệu biểu mẫu. Nếu ngày cuối cùng của thời hạn nhận báo cáo trùng với ngày nghỉ lễ, tết hoặc ngày nghỉ cuối tuần, thì ngày nhận báo cáo là ngày làm việc kế tiếp.

Thời hạn nhận báo cáo được tổng hợp tại Phụ lục II kèm theo Thông tư này.

5. Phương thức báo cáo thống kê:

Căn cứ điều kiện thực tế, đơn vị báo cáo lựa chọn một trong các hình thức sau để gửi báo cáo đến đơn vị nhận báo cáo:

a) Báo cáo trên Phần mềm thống kê ngành Tư pháp, được xác thực bằng tài khoản cấp cho đại diện đơn vị báo cáo và nhận báo cáo;

b) Báo cáo bằng văn bản điện tử dưới dạng tệp tin điện tử, được xác thực bằng chữ ký số của thủ trưởng đơn vị báo cáo hoặc văn bản điện tử dưới dạng ảnh của báo cáo giấy quy định tại điểm c khoản này;

c) Báo cáo bằng văn bản giấy có chữ ký của thủ trưởng, đóng dấu của đơn vị báo cáo (nếu có), gửi đến đơn vị nhận báo cáo theo đường bưu điện hoặc gửi trực tiếp.

6. Chinh lý báo cáo thống kê:

a) Trường hợp số liệu, thông tin thống kê còn thiếu hoặc chưa đảm bảo tính chính xác, hợp lý thì đơn vị báo cáo phải chỉnh lý, bổ sung ngay sau khi tự phát hiện hoặc đơn vị nhận báo cáo yêu cầu;

b) Báo cáo thống kê sau khi chỉnh lý, bổ sung phải được gửi ngay đến đơn vị nhận báo cáo theo phương thức quy định tại khoản 5 Điều này.

7. Ước tính số liệu thống kê:

a) Việc ước tính số liệu thống kê trên phạm vi toàn quốc do Cục Kế hoạch - Tài chính, Bộ Tư pháp thực hiện. Phương pháp ước tính số liệu và cách ghi số liệu thực tế, số liệu ước tính thực hiện theo hướng dẫn chi tiết tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Các cơ quan, đơn vị có thể vận dụng phương pháp ước tính số liệu quy định tại điểm a khoản này để ước tính số liệu thống kê phục vụ công tác quản lý của cơ quan, đơn vị, địa phương.

Điều 4. Trách nhiệm của các đơn vị liên quan

1. Trách nhiệm của Cục Kế hoạch - Tài chính, Bộ Tư pháp:

a) Là đầu mối tiếp nhận báo cáo thống kê của các đơn vị báo cáo gửi đến Bộ Tư pháp; hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện chế độ báo cáo thống kê quy định tại Thông tư này;

b) Tổ chức phân tích, dự báo thống kê; tổng hợp các thông tin thống kê chủ yếu để phục vụ hoạt động sơ kết, tổng kết công tác hằng năm của Ngành và hoạt động công bố, phổ biến thông tin thống kê ngành Tư pháp theo quy định của pháp luật;

c) Chủ trì xây dựng báo cáo thống kê chỉ tiêu kinh tế - xã hội của Bộ Tư pháp gửi Văn phòng Chính phủ phục vụ sự chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; báo cáo chỉ tiêu thống kê quốc gia thuộc trách nhiệm thu thập, tổng hợp của Bộ Tư pháp gửi Bộ Tài chính (Cục Thống kê) theo quy định;

d) Chủ trì, phối hợp với Cục Công nghệ thông tin, Bộ Tư pháp và các đơn vị liên quan xây dựng Phần mềm thống kê ngành Tư pháp, hướng dẫn nghiệp vụ báo cáo thống kê trên phần mềm. Tổ chức xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu thống kê của Ngành.

2. Trách nhiệm của các đơn vị khác thuộc Bộ Tư pháp:

a) Phối hợp chặt chẽ với Cục Kế hoạch - Tài chính, Văn phòng Bộ trong việc rà soát, đối chiếu số liệu từ các báo cáo thống kê gửi đến Bộ Tư pháp, đảm bảo số liệu thống kê trong lĩnh vực quản lý của đơn vị được đầy đủ, chính xác, trung thực, khách quan, phục vụ kịp thời, hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành của Lãnh đạo Bộ, ngành.

b) Kết nối, chia sẻ dữ liệu từ phần mềm, hệ thống thông tin, nền tảng số, cơ sở dữ liệu chuyên ngành do đơn vị quản lý (nếu có) với Phần mềm thống kê ngành Tư pháp.

c) Cục Công nghệ thông tin chủ trì, phối hợp với Cục Kế hoạch - Tài chính bảo đảm hạ tầng, kỹ thuật công nghệ thông tin để Phần mềm thống kê ngành Tư pháp được vận hành thông suốt; đảm bảo quy định về an toàn, an ninh hệ thống và bảo mật thông tin theo quy định.

3. Trách nhiệm của đơn vị báo cáo:

a) Chấp hành đúng quy định về báo cáo thống kê quy định tại Thông tư này. Gửi đầy đủ, đúng hạn các báo cáo; chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác của số liệu báo cáo thống kê; kịp thời chỉnh lý, bổ sung báo cáo thống kê theo yêu cầu của đơn vị nhận báo cáo hoặc khi tự phát hiện số liệu, thông tin thống kê còn thiếu hoặc chưa đảm bảo tính chính xác, hợp lý;

b) Tổ chức thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin để việc thu thập, tổng hợp, báo cáo số liệu theo chế độ báo cáo thống kê quy định tại Thông tư này được đầy đủ, chính xác, kịp thời;

c) Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật về thống kê.

4. Trách nhiệm của đơn vị nhận báo cáo:

a) Kiểm tra, đối chiếu, tổng hợp số liệu, thông tin thống kê từ các báo cáo thống kê nhận được để xây dựng báo cáo thống kê của cấp mình;

b) Kịp thời yêu cầu đơn vị báo cáo chỉnh lý số liệu có sai sót, bổ sung số liệu, thông tin thống kê còn thiếu hoặc giải trình, thuyết minh những vấn đề liên quan;

c) Trong trường hợp cần thiết, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan thực hiện đối chiếu các thông tin thống kê đã nhận được, hoặc căn cứ vào các nguồn thông tin chính thức khác để chỉnh lý, bổ sung số liệu thống kê, bảo đảm tính chính xác, toàn diện, khách quan của thông tin thống kê và chịu trách nhiệm về việc chỉnh lý, bổ sung đó;

d) Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật về thống kê.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Cục Kế hoạch - Tài chính, Bộ Tư pháp giúp Bộ trưởng Bộ Tư pháp chỉ đạo, tổ chức thi hành Thông tư này trên phạm vi toàn quốc.

2. Thủ trưởng các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi thẩm quyền, nhiệm vụ được giao tổ chức thực hiện Thông tư này; bố trí các điều kiện đảm bảo thực hiện Thông tư phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức có liên quan, trong phạm vi thẩm quyền của mình có trách nhiệm tổ chức thực hiện, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện chế độ báo cáo thống kê quy định tại Thông tư này, bảo đảm hoạt động thống kê của cơ quan, đơn vị đúng quy định.

4. Trong quá trình triển khai thực hiện Thông tư này, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị kịp thời phản ánh về Bộ Tư pháp để nghiên cứu, giải quyết.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 11 năm 2025.

Riêng quy định về phân tổ “Số xã, phường, đặc khu đạt chuẩn tiếp cận pháp luật” thuộc Biểu mẫu 05c/TP/HGCS-TCPL (Kết quả công tác hòa giải ở cơ sở; số xã, phường, đặc khu đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn tỉnh/thành phố) và phân tổ “đối tượng theo quy định của Luật Tư pháp người chưa thành niên” thuộc Biểu mẫu 15a/TP/TGPL (Số lượt người đã được trợ giúp pháp lý) có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

2. Thông tư số 03/2019/TT-BTP ngày 20 tháng 3 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định một số nội dung về hoạt động thống kê của ngành Tư pháp hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Bộ Tư pháp: Bộ trưởng, các Thứ trưởng, các đơn vị thuộc Bộ;
- Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố;
- Công báo; Cổng thông tin điện tử Chính phủ; Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản quy phạm pháp luật; Cổng Pháp luật quốc gia; Cổng Thông tin điện tử Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, KHTC (05).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Mai Lương Khôi

Phụ lục I

DANH MỤC BIỂU MẪU BÁO CÁO THỐNG KÊ NGÀNH TƯ PHÁP

(Ban hành kèm theo Thông tư số 17/2025/TT-BTP quy định Chế độ báo cáo thống kê ngành Tư pháp)

I. DANH MỤC BIỂU MẪU BÁO CÁO THỐNG KÊ NGÀNH TƯ PHÁP CHIA THEO LĨNH VỰC

STT	Ký hiệu biểu	Tên biểu	Kỳ báo cáo	Đơn vị báo cáo	Đơn vị nhận báo cáo
1	01a/TP/TĐ-BH	Số dự thảo (DT) văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL), số thủ tục hành chính (TTHC) tại DT VBQPPL được thẩm định; số VBQPPL được ban hành tại cấp xã	Sơ bộ 6 tháng/sơ bộ năm/tròn năm	UBND xã/phường/đặc khu	Sở Tư pháp
2	01b/TP/TĐ	Số DT VBQPPL được thẩm định; Số DT VBQPPL được thẩm định có đánh giá tác động giới; Số TTHC tại DT VBQPPL được thẩm định trên địa bàn tỉnh/thành phố	Sơ bộ 6 tháng/sơ bộ năm/tròn năm	Sở Tư pháp	Bộ Tư pháp (Cục Kế hoạch - Tài chính)
3	01c/TP/BH-TĐG	Số VBQPPL được ban hành; Số VBQPPL ban hành có đánh giá tác động giới trên địa bàn tỉnh/thành phố	Sơ bộ 6 tháng/sơ bộ năm/tròn năm	Sở Tư pháp	Bộ Tư pháp (Cục Kế hoạch - Tài chính)
4	01d/TP/TĐ-BH-TĐG	Số DT VBQPPL, số TTHC tại DT VBQPPL của bộ, cơ quan ngang bộ đã thẩm định; số VBQPPL do bộ, cơ quan ngang bộ chủ trì soạn thảo đã được ban hành, có đánh giá tác động giới	Sơ bộ 6 tháng/sơ bộ năm/tròn năm	Bộ, cơ quan ngang Bộ (Tổ chức Pháp chế Bộ/cơ quan ngang Bộ)	Bộ Tư pháp (Cục Kế hoạch - Tài chính)

STT	Ký hiệu biểu	Tên biểu	Kỳ báo cáo	Đơn vị báo cáo	Đơn vị nhận báo cáo
5	01e/TP/TĐ-BH-TĐG	Số văn bản chính sách, DT VBQPPL do Chính phủ trình đã được Bộ Tư pháp thẩm định; số VBQPPL do Bộ Tư pháp chủ trì soạn thảo đã được ban hành, có đánh giá tác động giới	Sơ bộ 6 tháng/sơ bộ năm/tròn năm	Đơn vị thuộc Bộ Tư pháp	Bộ Tư pháp (Cục Kế hoạch - Tài chính)
6	01g/TP/TĐTTHC	Số TTHC tại DT VBQPPL đã được Bộ Tư pháp thẩm định	Sơ bộ 6 tháng/sơ bộ năm/tròn năm	Vụ Công tác xây dựng VBQPPL, Bộ Tư pháp	Bộ Tư pháp (Cục Kế hoạch - Tài chính)
7	02a/TP/KTTTTQ	Kết quả kiểm tra, xử lý văn bản theo thẩm quyền trên địa bàn tỉnh/thành phố	Sơ bộ 6 tháng/sơ bộ năm/tròn năm	Sở Tư pháp	Bộ Tư pháp (Cục Kế hoạch - Tài chính)
8	02b/TP/KTTTTQ	Kết quả kiểm tra, xử lý văn bản theo thẩm quyền tại các bộ, cơ quan ngang bộ	Sơ bộ 6 tháng/sơ bộ năm/tròn năm	- Bộ/cơ quan ngang Bộ - Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý XLVPHC (Bộ Tư pháp)	Bộ Tư pháp (Cục Kế hoạch - Tài chính)
9	03a/TP/RSVB	Kết quả rà soát văn bản quy phạm pháp luật theo căn cứ là văn bản trên địa bàn cấp xã	Sơ bộ năm/tròn năm	UBND xã/phường/đặc khu	Sở Tư pháp
10	03b/TP/RSVB	Kết quả rà soát văn bản quy phạm pháp luật theo căn cứ là văn bản trên địa bàn tỉnh/thành phố	Sơ bộ năm/tròn năm	Sở Tư pháp	Bộ Tư pháp (Cục Kế hoạch - Tài chính)
11	03c/TP/RSVB	Kết quả rà soát văn bản quy phạm pháp luật theo căn cứ là văn bản tại các bộ, cơ quan ngang bộ	Sơ bộ năm/tròn năm	- Bộ/cơ quan ngang bộ.... - Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý XLVPHC	Bộ Tư pháp (Cục Kế hoạch - Tài chính)

STT	Ký hiệu biểu	Tên biểu	Kỳ báo cáo	Đơn vị báo cáo	Đơn vị nhận báo cáo
12	04a/TP/PBGDPL	Kết quả công tác phổ biến giáo dục pháp luật trên địa bàn xã/phường/đặc khu	Sơ bộ 6 tháng/sơ bộ năm/tròn năm	UBND xã/phường/đặc khu	Sở Tư pháp
13	04b/TP/PBGDPL	Kết quả công tác phổ biến giáo dục pháp luật tại cơ quan, tổ chức cấp tỉnh, doanh nghiệp nhà nước do UBND cấp tỉnh quản lý	Sơ bộ 6 tháng/sơ bộ năm/tròn năm	- Cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh; - Cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh; - Doanh nghiệp nhà nước do UBND cấp tỉnh quản lý.	Sở Tư pháp
14	04c/TP/PBGDPL	Kết quả công tác phổ biến giáo dục pháp luật trên địa bàn tỉnh/thành phố	Sơ bộ 6 tháng/sơ bộ năm/tròn năm	Sở Tư pháp	Bộ Tư pháp (Cục Kế hoạch - Tài chính)
15	04d/TP/PBGDPL	Kết quả công tác phổ biến giáo dục pháp luật tại các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Cơ quan Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	Sơ bộ 6 tháng/sơ bộ năm/tròn năm	- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; - Cơ quan Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; - Đơn vị thuộc Bộ Tư pháp (Vụ, Cục...).	Bộ Tư pháp (Cục Kế hoạch - Tài chính)
16	05a/TP/HGCS	Kết quả hoạt động của tổ hòa giải ở cơ sở	Sơ bộ 6 tháng/sơ bộ năm/tròn năm	Tổ hòa giải	UBND xã/phường/đặc khu
17	05b/TP/HGCS	Kết quả công tác hòa giải ở cơ sở trên địa bàn xã	Sơ bộ 6 tháng/sơ bộ năm/tròn năm	UBND xã/phường/đặc khu	Sở Tư pháp

STT	Ký hiệu biểu	Tên biểu	Kỳ báo cáo	Đơn vị báo cáo	Đơn vị nhận báo cáo
18	05c/TP/HGCS-TCPL	Kết quả công tác hòa giải ở cơ sở; số xã, phường, đặc khu đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn tỉnh/thành phố	Sơ bộ 6 tháng/sơ bộ năm/tròn năm	Sở Tư pháp	Bộ Tư pháp (Cục Kế hoạch - Tài chính)
19	06a/TP/HT	Kết quả đăng ký khai sinh, khai tử, kết hôn tại ủy ban nhân dân (UBND) cấp xã	Sơ bộ năm/tròn năm	UBND xã/phường/đặc khu	Sở Tư pháp
20	06b/TP/HT	Kết quả đăng ký khai sinh, khai tử, kết hôn trên địa bàn tỉnh/thành phố	Sơ bộ năm/tròn năm	Sở Tư pháp	Bộ Tư pháp (Cục Kế hoạch - Tài chính)
21	06c/TP/HTK	Kết quả đăng ký các việc hộ tịch khác tại ủy ban nhân dân (UBND) cấp xã	Tròn năm	UBND xã/phường/đặc khu	Sở Tư pháp
22	06d/TP/HTK	Kết quả đăng ký các việc hộ tịch khác trên địa bàn tỉnh/thành phố	Tròn năm	Sở Tư pháp	Bộ Tư pháp (Cục Kế hoạch - Tài chính)
23	07/TP/QT	Số trường hợp đã được chủ tịch nước cho nhập/trở lại/thôi quốc tịch Việt Nam	Tròn năm	Cục Hành chính tư pháp (Bộ Tư pháp)	Bộ Tư pháp (Cục Kế hoạch - Tài chính)
24	08a/TP/CNTN	Kết quả đăng ký nuôi con nuôi trong nước tại ủy ban nhân dân (UBND) cấp xã	Sơ bộ 6 tháng/sơ bộ năm/tròn năm	UBND xã/phường/đặc khu	Sở Tư pháp
25	08b/TP/CNTN	Kết quả đăng ký nuôi con nuôi trong nước trên địa bàn tỉnh/thành phố	Sơ bộ 6 tháng/sơ bộ năm/tròn năm	Sở Tư pháp	Bộ Tư pháp (Cục Kế hoạch - Tài chính)

STT	Ký hiệu biểu	Tên biểu	Kỳ báo cáo	Đơn vị báo cáo	Đơn vị nhận báo cáo
26	08c/TP/CNTN	Kết quả giải quyết cho trẻ em Việt Nam làm con nuôi nước ngoài trên địa bàn tỉnh/thành phố	Sơ bộ 6 tháng/sơ bộ năm/tròn năm	Sở Tư pháp	Bộ Tư pháp (Cục Kế hoạch - Tài chính)
27	08d/TP/CNNN	Kết quả đăng ký nuôi con nuôi trong nước tại cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài	Tròn năm	Bộ Ngoại giao	Bộ Tư pháp (Cục Kế hoạch - Tài chính)
28	09a/TP/CT	Kết quả chứng thực tại ủy ban nhân dân (UBND) cấp xã	Sơ bộ 6 tháng/sơ bộ năm/tròn năm	UBND xã/phường/đặc khu	Sở Tư pháp
29	09b/TP/CT	Kết quả chứng thực trên địa bàn tỉnh/thành phố	Sơ bộ 6 tháng/sơ bộ năm/tròn năm	Sở Tư pháp	Bộ Tư pháp (Cục Kế hoạch - Tài chính)
30	09c/TP/CT	Kết quả chứng thực của các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài	Tròn năm	Bộ Ngoại giao	Bộ Tư pháp (Cục Kế hoạch - Tài chính)
31	10a/TP/CC	Tổ chức và kết quả hoạt động của tổ chức hành nghề công chứng	Sơ bộ 6 tháng/sơ bộ năm/tròn năm	Phòng công chứng/Văn phòng công chứng	Sở Tư pháp
32	10b/TP/CC	Số tổ chức và kết quả hoạt động công chứng trên địa bàn tỉnh/thành phố	Sơ bộ 6 tháng/sơ bộ năm/tròn năm	Sở Tư pháp	Bộ Tư pháp (Cục Kế hoạch - Tài chính)

STT	Ký hiệu biểu	Tên biểu	Kỳ báo cáo	Đơn vị báo cáo	Đơn vị nhận báo cáo
33	11a/TP/LSTN	Số luật sư và kết quả hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	Sơ bộ 6 tháng/sơ bộ năm/tròn năm	Văn phòng Luật sư/Công ty Luật	Sở Tư pháp
34	11b/TP/LSTN	Số tổ chức và kết quả hoạt động của các tổ chức hành nghề luật sư trên địa bàn tỉnh/thành phố	Sơ bộ 6 tháng/sơ bộ năm/tròn năm	Sở Tư pháp	Bộ Tư pháp (Cục Kế hoạch - Tài chính)
35	11c/TP/LSTN	Kết quả hoạt động cấp chứng chỉ hành nghề luật sư trên địa bàn tỉnh/thành phố	Sơ bộ 6 tháng/sơ bộ năm/tròn năm	Sở Tư pháp	Bộ Tư pháp (Cục Kế hoạch - Tài chính)
36	12a/TP/GĐTP	Số vụ việc đã thực hiện giám định tư pháp tại các tổ chức giám định tư pháp công lập ở trung ương/địa phương	Sơ bộ năm/tròn năm	- Tổ chức giám định tư pháp công lập (TCGĐTPCL) ở trung ương; - TCGĐTPCL ở địa phương	- Bộ, cơ quan ngang bộ chủ quản của TCGĐTPCL cấp Trung ương: nhận báo cáo của TCGĐTPCL ở Trung ương - Ban, ngành cấp tỉnh; cơ quan chuyên môn của UBND tỉnh quản lý lĩnh vực giám định tư pháp: nhận báo cáo của TCGĐTPCL ở địa phương

STT	Ký hiệu biểu	Tên biểu	Kỳ báo cáo	Đơn vị báo cáo	Đơn vị nhận báo cáo
37	12b/TP/GĐTP	Số vụ việc đã thực hiện giám định tư pháp tại các tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc ở trung ương/địa phương và Văn phòng giám định tư pháp ở địa phương	Sơ bộ năm/tròn năm	Tổ chức giám định tư pháp (TCGĐTP) theo vụ việc ở trung ương và địa phương, Văn phòng giám định tư pháp ở địa phương	- Bộ/cơ quan ngang bộ chủ quản: nhận báo cáo của Tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc ở trung ương; - Ban, ngành cấp tỉnh; cơ quan chuyên môn của UBND cấp tỉnh: nhận báo cáo của TCGĐTP theo vụ việc ở địa phương và Văn phòng giám định tư pháp ở địa phương; - Sở Tư pháp: nhận báo cáo của Ban, ngành cấp tỉnh; cơ quan chuyên môn của UBND cấp tỉnh...
38	12c/TP/GĐTP	Số vụ việc đã thực hiện giám định tư pháp trên địa bàn tỉnh/thành phố	Sơ bộ năm/tròn năm	- Ban, ngành cấp tỉnh; cơ quan chuyên môn của UBND cấp tỉnh. - Sở Tư pháp.	- Sở Tư pháp: nhận báo cáo của Ban, ngành cấp tỉnh; cơ quan chuyên môn của UBND cấp tỉnh. - Bộ Tư pháp (Cục Kế hoạch - Tài chính): nhận báo cáo của Sở Tư pháp;
39	12d/TP/GĐTP	Số vụ việc đã thực hiện giám định tư pháp tại bộ, cơ quan ngang bộ	Sơ bộ năm/tròn năm	Bộ, cơ quan ngang bộ	Bộ Tư pháp (Cục Kế hoạch - Tài chính)
40	13a/TP/ĐGTS	Số đấu giá viên và kết quả hoạt động đấu giá tài sản của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản	Sơ bộ năm/tròn năm	Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản/Doanh nghiệp đấu giá tài sản	Sở Tư pháp
41	13b/TP/ĐGTS	Số tổ chức và kết quả hoạt động đấu giá tài sản trên địa bàn tỉnh/thành phố	Sơ bộ năm/tròn năm	Sở Tư pháp	Bộ Tư pháp (Cục Kế hoạch - Tài chính)
42	14a/TP/TTTM	Số tổ chức và kết quả hoạt động của tổ chức trọng tài	Sơ bộ năm/tròn năm	Trung tâm trọng tài /Chi nhánh, Văn phòng đại diện của tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	Sở Tư pháp

STT	Ký hiệu biểu	Tên biểu	Kỳ báo cáo	Đơn vị báo cáo	Đơn vị nhận báo cáo
43	14b/TP/TTTM	Số tổ chức và kết quả hoạt động của các tổ chức trọng tài trên địa bàn tỉnh/thành phố	Sơ bộ năm/tròn năm	Sở Tư pháp	Bộ Tư pháp (Cục Kế hoạch - Tài chính)
44	15a/TP/TGPL	Số lượt người đã được trợ giúp pháp lý	Sơ bộ 6 tháng/sơ bộ năm/tròn năm	- Trung tâm TGPL nhà nước tỉnh, thành phố/Tổ chức ký hợp đồng thực hiện TGPL/ Tổ chức đăng ký tham gia TGPL - Sở Tư pháp	- Sở Tư pháp nhận báo cáo của Trung tâm TGPL nhà nước tỉnh/thành phố, Tổ chức ký hợp đồng thực hiện TGPL, Tổ chức đăng ký tham gia TGPL. - Bộ Tư pháp (Cục Kế hoạch - Tài chính) nhận báo cáo của Sở Tư pháp
45	15b/TP/TGPL	Số vụ việc trợ giúp pháp lý (TGPL)	Sơ bộ 6 tháng/sơ bộ năm/tròn năm	- Trung tâm TGPL nhà nước tỉnh, thành phố/Tổ chức ký hợp đồng thực hiện TGPL/ Tổ chức đăng ký tham gia TGPL - Sở Tư pháp	- Sở Tư pháp nhận báo cáo của Trung tâm TGPL nhà nước tỉnh/thành phố, Tổ chức ký hợp đồng thực hiện TGPL, Tổ chức đăng ký tham gia TGPL. - Bộ Tư pháp (Cục Kế hoạch - Tài chính) nhận báo cáo của Sở Tư pháp
46	15c/TP/TGPL	Số tổ chức và số người thực hiện trợ giúp pháp lý (TGPL)	Sơ bộ năm/tròn năm	- Trung tâm TGPL nhà nước tỉnh, thành phố/Tổ chức ký hợp đồng thực hiện TGPL/ Tổ chức đăng ký tham gia TGPL - Sở Tư pháp	- Sở Tư pháp nhận báo cáo của Trung tâm TGPL nhà nước tỉnh/thành phố, Tổ chức ký hợp đồng thực hiện TGPL, Tổ chức đăng ký tham gia TGPL. - Bộ Tư pháp (Cục Kế hoạch - Tài chính) nhận báo cáo của Sở Tư pháp

STT	Ký hiệu biểu	Tên biểu	Kỳ báo cáo	Đơn vị báo cáo	Đơn vị nhận báo cáo
47	16a/TP/ĐKBPBĐ	Kết quả đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm, hợp đồng bằng động sản (không phải là tàu bay, tàu biển, chứng khoán đã đăng ký tập trung), bằng cây hàng năm, công trình tạm	Sơ bộ năm/tròn năm	- Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký giao dịch bảo đảm và Bồi thường nhà nước thuộc Bộ Tư pháp - Cục Đăng ký giao dịch bảo đảm và Bồi thường nhà nước (Bộ Tư pháp)	- Cục Đăng ký giao dịch bảo đảm và Bồi thường nhà nước: nhận báo cáo của các Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản - Bộ Tư pháp (Cục Kế hoạch - Tài chính): nhận báo cáo của Cục Đăng ký giao dịch bảo đảm và Bồi thường nhà nước
48	16b/TP/ĐKBPBĐ	Kết quả đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Sơ bộ năm/tròn năm	- Văn phòng đăng ký đất đai - Sở Tư pháp	- Sở Tư pháp: nhận báo cáo của các Văn phòng đăng ký đất đai - Bộ Tư pháp (Cục Kế hoạch - Tài chính): nhận báo cáo của các Sở Tư pháp
49	16c/TP/ĐKBPBĐ	Kết quả đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm bằng tàu bay	Sơ bộ năm/tròn năm	Bộ Xây dựng	Bộ Tư pháp (Cục Kế hoạch - Tài chính)
50	16d/TP/ĐKBPBĐ	Kết quả đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm bằng tàu biển	Sơ bộ năm/tròn năm	Bộ Xây dựng	Bộ Tư pháp (Cục Kế hoạch - Tài chính)
51	16e/TP/ĐKBPBĐ	Kết quả đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm bằng chứng khoán đã đăng ký tập trung	Sơ bộ năm/tròn năm	Bộ Tài chính	Bộ Tư pháp (Cục Kế hoạch - Tài chính)
52	17/TP/TTTP	Số hồ sơ ủy thác tư pháp về dân sự của Bộ Tư pháp	Sơ bộ 6 tháng/sơ bộ năm/tròn năm	Vụ Pháp luật quốc tế (Bộ Tư pháp)	Bộ Tư pháp (Cục Kế hoạch - Tài chính)

STT	Ký hiệu biểu	Tên biểu	Kỳ báo cáo	Đơn vị báo cáo	Đơn vị nhận báo cáo
53	18a/TP/PC	Số tổ chức và người làm công tác pháp chế tại Cục và tương đương thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh/thành phố, Công an tỉnh/thành phố, doanh nghiệp nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập tại Trung ương và địa phương	Sơ bộ năm/tròn năm	<ul style="list-style-type: none"> - Cục và tương đương thuộc bộ/cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; - Doanh nghiệp Nhà nước ở Trung ương; - Đơn vị sự nghiệp thuộc bộ/cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; - Bộ chỉ huy quân sự/Công an tỉnh/thành phố; - Doanh nghiệp nhà nước do UBND cấp tỉnh quản lý; - Đơn vị sự nghiệp công lập do UBND cấp tỉnh quản lý; - Đơn vị sự nghiệp công lập do cơ quan chuyên môn của UBND cấp tỉnh quản lý. 	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ chủ quản nhận báo cáo của Cục và tương đương, Doanh nghiệp nhà nước và đơn vị sự nghiệp do bộ quản lý; Bộ Quốc phòng, Bộ Công an nhận báo cáo của Cục và tương đương, Doanh nghiệp nhà nước và đơn vị sự nghiệp do bộ quản lý, Bộ chỉ huy quân sự/Công an tỉnh/thành phố; - VP UBND tỉnh/thành phố nhận báo cáo của Doanh nghiệp Nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh/thành phố; - Cơ quan chuyên môn của UBND tỉnh/thành phố nhận báo cáo của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc quyền quản lý.
54	18b/TP/PC	Số tổ chức và người làm công tác pháp chế tại cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, doanh nghiệp nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập tỉnh/thành phố	Sơ bộ năm/tròn năm	<ul style="list-style-type: none"> - UBND tỉnh/thành phố (Văn phòng UBND)... - Thanh tra tỉnh/thành phố... - Sở... 	Sở Tư pháp
55	18c/TP/PC	Số tổ chức và người làm công tác pháp chế trên địa bàn tỉnh/thành phố	Sơ bộ năm/tròn năm	Sở Tư pháp	Bộ Tư pháp (Cục Kế hoạch - Tài chính)

STT	Ký hiệu biểu	Tên biểu	Kỳ báo cáo	Đơn vị báo cáo	Đơn vị nhận báo cáo
56	18d/TP/PC	Số tổ chức pháp chế và người làm công tác pháp chế tại bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, doanh nghiệp nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ	Sơ bộ năm/tròn năm	Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ	Bộ Tư pháp (Cục Kế hoạch - Tài chính)
57	19a/TP/HGTM	Tổ chức và kết quả hoạt động hòa giải thương mại	Sơ bộ năm/tròn năm	Trung tâm hòa giải/Trung tâm trọng tài có đăng ký hoạt động hòa giải/Chi nhánh, Văn phòng đại diện của tổ chức hòa giải nước ngoài tại Việt Nam/Hòa giải viên thương mại vụ việc	Sở Tư pháp
58	19b/TP/HGTM	Số tổ chức và kết quả hoạt động hòa giải thương mại trên địa bàn tỉnh/thành phố	Sơ bộ năm/tròn năm	Sở Tư pháp	Bộ Tư pháp (Cục Kế hoạch - Tài chính)
59	20a/TP/QLTLTS	Số tổ chức và kết quả hoạt động QLTLTS	Sơ bộ năm/tròn năm	Doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản/Quản tài viên đăng ký hành nghề cá nhân	Sở Tư pháp
60	20b/TP/QLTLTS	Số tổ chức và kết quả hoạt động QLTLTS trên địa bàn tỉnh/thành phố	Sơ bộ năm/tròn năm	Sở Tư pháp	Bộ Tư pháp (Cục Kế hoạch - Tài chính)
61	21a/TP/HTPLDN	Kết quả triển khai công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tại cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh	Sơ bộ 6 tháng/sơ bộ năm/tròn năm	Cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh	Sở Tư pháp

STT	Ký hiệu biểu	Tên biểu	Kỳ báo cáo	Đơn vị báo cáo	Đơn vị nhận báo cáo
62	21b/TP/HTPLDN	Kết quả triển khai công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tại UBND cấp tỉnh	Sơ bộ 6 tháng/sơ bộ năm/tròn năm	Sở Tư pháp	Bộ Tư pháp (Cục Kế hoạch - Tài chính)

II. DANH MỤC BIỂU MẪU BÁO CÁO THỐNG KÊ NGÀNH TƯ PHÁP CHIA THEO CHỦ THỂ BÁO CÁO

STT	Ký hiệu biểu	Tên biểu	Kỳ báo cáo	Đơn vị nhận báo cáo
1. Tổ hòa giải (01 biểu)				
1	05a/TP/HGCS	Kết quả hoạt động của tổ hoà giải ở cơ sở	Sơ bộ 6 tháng/sơ bộ năm/tròn năm	UBND xã/phường/đặc khu
2. UBND cấp xã (08 biểu)				
1	01a/TP/TĐ-BH	Số dự thảo văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL), số TTHC được thẩm định; số VBQPPL được ban hành, được lồng ghép vấn đề bình đẳng giới tại cấp xã	Sơ bộ 6 tháng/sơ bộ năm/tròn năm	Sở Tư pháp
2	03a/TP/RSVB	Kết quả rà soát văn bản quy phạm pháp luật theo căn cứ là văn bản trên địa bàn cấp xã	Sơ bộ năm/tròn năm	Sở Tư pháp
3	04a/TP/PBGDPL	Kết quả công tác phổ biến giáo dục pháp luật trên địa bàn xã/phường/đặc khu	Sơ bộ 6 tháng/sơ bộ năm/tròn năm	Sở Tư pháp
4	05b/TP/HGCS	Kết quả công tác hòa giải ở cơ sở trên địa bàn xã/phường/đặc khu	Sơ bộ 6 tháng/sơ bộ năm/tròn năm	Sở Tư pháp
5	06a/TP/HT	Kết quả đăng ký khai sinh, khai tử, kết hôn tại ủy ban nhân dân (UBND) cấp xã	Sơ bộ năm/tròn năm	Sở Tư pháp

6	06c/TP/HTK	Kết quả đăng ký các việc hộ tịch khác tại ủy ban nhân dân (UBND) cấp xã	Tròn năm	Sở Tư pháp
7	08a/TP/CNTN	Kết quả đăng ký nuôi con nuôi trong nước tại ủy ban nhân dân (UBND) cấp xã	Sơ bộ 6 tháng/sơ bộ năm/tròn năm	Sở Tư pháp
8	09a/TP/CT	Kết quả chứng thực tại ủy ban nhân dân (UBND) cấp xã	Sơ bộ 6 tháng/sơ bộ năm/tròn năm	Sở Tư pháp
3. Sở Tư pháp (25 biểu)				
1	01b/TP/TĐ	Số Dự thảo VBQPPL được thẩm định; số TTHC tại Dự thảo VBQPPL được thẩm định trên địa bàn tỉnh/thành phố	Sơ bộ 6 tháng/sơ bộ năm/tròn năm	Bộ Tư pháp (Cục Kế hoạch - Tài chính)
2	01c/TP/BH-TĐG	Số VBQPPL được ban hành; số VBQPPL ban hành được lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trên địa bàn tỉnh/thành phố	Sơ bộ 6 tháng/sơ bộ năm/tròn năm	Bộ Tư pháp (Cục Kế hoạch - Tài chính)
3	02a/TP/KTTTTQ	Kết quả kiểm tra, xử lý văn bản theo thẩm quyền trên địa bàn tỉnh	Sơ bộ 6 tháng/sơ bộ năm/tròn năm	Bộ Tư pháp (Cục Kế hoạch - Tài chính)
4	03b/TP/RSVB	Kết quả rà soát văn bản quy phạm pháp luật theo căn cứ là văn bản trên địa bàn tỉnh/thành phố	Sơ bộ năm/tròn năm	Bộ Tư pháp (Cục Kế hoạch - Tài chính)
5	04c/TP/PBGDPL	Kết quả công tác phổ biến giáo dục pháp luật trên địa bàn tỉnh/thành phố	Sơ bộ 6 tháng/sơ bộ năm/tròn năm	Bộ Tư pháp (Cục Kế hoạch - Tài chính)
6	05c/TP/HGCS-TCPL	Kết quả công tác hòa giải ở cơ sở; số xã, phường, đặc khu đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn tỉnh/thành phố	Sơ bộ 6 tháng/sơ bộ năm/tròn năm	Bộ Tư pháp (Cục Kế hoạch - Tài chính)
7	06b/TP/HT	Kết quả đăng ký khai sinh, khai tử, kết hôn trên địa bàn tỉnh/thành phố	Sơ bộ năm/tròn năm	Bộ Tư pháp (Cục Kế hoạch - Tài chính)

8	06d/TP/HTK	Kết quả đăng ký các việc hộ tịch khác trên địa bàn tỉnh/thành phố	Tròn năm	Bộ Tư pháp (Cục Kế hoạch - Tài chính)
9	08b/TP/CNTN	Kết quả đăng ký nuôi con nuôi trong nước trên địa bàn tỉnh/thành phố	Sơ bộ 6 tháng/sơ bộ năm/tròn năm	Bộ Tư pháp (Cục Kế hoạch - Tài chính)
10	08c/TP/CNTN	Kết quả giải quyết cho trẻ em Việt Nam làm con nuôi nước ngoài trên địa bàn tỉnh/thành phố	Sơ bộ 6 tháng/sơ bộ năm/tròn năm	Bộ Tư pháp (Cục Kế hoạch - Tài chính)
11	09b/TP/CT	Kết quả chứng thực trên địa bàn tỉnh/thành phố	Sơ bộ 6 tháng/sơ bộ năm/tròn năm	Bộ Tư pháp (Cục Kế hoạch - Tài chính)
12	10b/TP/CC	Số tổ chức và kết quả hoạt động công chứng trên địa bàn tỉnh/thành phố	Sơ bộ 6 tháng/sơ bộ năm/tròn năm	Bộ Tư pháp (Cục Kế hoạch - Tài chính)
13	11b/TP/LSTN	Số tổ chức và kết quả hoạt động của các tổ chức hành nghề luật sư trên địa bàn tỉnh/thành phố	Sơ bộ 6 tháng/sơ bộ năm/tròn năm	Bộ Tư pháp (Cục Kế hoạch - Tài chính)
14	11c/TP/LSTN	Kết quả hoạt động cấp chứng chỉ hành nghề luật sư trên địa bàn tỉnh/thành phố	Sơ bộ 6 tháng/sơ bộ năm/tròn năm	Bộ Tư pháp (Cục Kế hoạch - Tài chính)
15	12c/TP/GĐTP	Số vụ việc đã thực hiện giám định tư pháp trên địa bàn tỉnh/thành phố	Sơ bộ năm/tròn năm	Bộ Tư pháp (Cục Kế hoạch - Tài chính)
16	13b/TP/ĐGTS	Số tổ chức và kết quả hoạt động đấu giá tài sản trên địa bàn tỉnh/thành phố	Sơ bộ năm/tròn năm	Bộ Tư pháp (Cục Kế hoạch - Tài chính)
17	14b/TP/TTTM	Số hình tổ chức và kết quả hoạt động của các tổ chức trọng tài trên địa bàn tỉnh/thành phố	Sơ bộ năm/tròn năm	Bộ Tư pháp (Cục Kế hoạch - Tài chính)
18	15a/TP/TGPL	Số lượt người đã được trợ giúp pháp lý	Sơ bộ 6 tháng/sơ bộ năm/tròn năm	Bộ Tư pháp (Cục Kế hoạch - Tài chính)

19	15b/TP/TGPL	Số vụ việc trợ giúp pháp lý (TGPL)	Sơ bộ 6 tháng/sơ bộ năm/tròn năm	Bộ Tư pháp (Cục Kế hoạch - Tài chính)
20	15c/TP/TGPL	Số tổ chức và số người thực hiện trợ giúp pháp lý (TGPL)	Sơ bộ năm/tròn năm	Bộ Tư pháp (Cục Kế hoạch - Tài chính)
21	16b/TP/ĐKBPBĐ	Kết quả đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Sơ bộ năm/tròn năm	Bộ Tư pháp (Cục Kế hoạch - Tài chính)
22	18c/TP/PC	Số tổ chức và người làm công tác pháp chế trên địa bàn tỉnh/thành phố	Sơ bộ năm/tròn năm	Bộ Tư pháp (Cục Kế hoạch - Tài chính)
23	19b/TP/HGTM	Số tổ chức và kết quả hoạt động hòa giải thương mại trên địa bàn tỉnh/thành phố	Sơ bộ năm/tròn năm	Bộ Tư pháp (Cục Kế hoạch - Tài chính)
24	20b/TP/QLTLTS	Số tổ chức và kết quả hoạt động quản lý thanh lý tài sản trên địa bàn tỉnh/thành phố	Sơ bộ năm/tròn năm	Bộ Tư pháp (Cục Kế hoạch - Tài chính)
25	21b/TP/HTPLDN	Kết quả triển khai công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tại UBND cấp tỉnh	Sơ bộ 6 tháng/sơ bộ năm/tròn năm	Bộ Tư pháp (Cục Kế hoạch - Tài chính)

4. Các Sở, ngành và một số tổ chức ở địa phương

4.1. Ban, ngành cấp tỉnh; cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh (04 biểu)

1	04b/TP/PBGDPL	Kết quả công tác phổ biến giáo dục pháp luật tại cơ quan, tổ chức cấp tỉnh, doanh nghiệp nhà nước do UBND cấp tỉnh quản lý	Sơ bộ 6 tháng/sơ bộ năm/tròn năm	Sở Tư pháp
2	12c/TP/GĐTP	Số vụ việc đã thực hiện giám định tư pháp trên địa bàn tỉnh/thành phố	Sơ bộ năm/tròn năm	Sở Tư pháp
3	18b/TP/PC	Số tổ chức và người làm công tác pháp chế tại cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, doanh nghiệp nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập tỉnh/thành phố	Sơ bộ năm/tròn năm	Sở Tư pháp

4	21a/TP/HTPLDN	Kết quả triển khai công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tại cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh	Sơ bộ 6 tháng/sơ bộ năm/tròn năm	Sở Tư pháp
4.2. Doanh nghiệp nhà nước do UBND cấp tỉnh quản lý (02 biểu)				
1	04b/TP/PBGDPL	Kết quả công tác phổ biến giáo dục pháp luật tại cơ quan, tổ chức cấp tỉnh, doanh nghiệp nhà nước do UBND cấp tỉnh quản lý	Sơ bộ 6 tháng/sơ bộ năm/tròn năm	Sở Tư pháp
2	18a/TP/PC	Số tổ chức và người làm công tác pháp chế tại Cục và tương đương thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh/thành phố, Công an tỉnh/thành phố, doanh nghiệp nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập tại Trung ương và địa phương	Sơ bộ năm/tròn năm	Sở Tư pháp
4.3. Đơn vị sự nghiệp công lập do UBND cấp tỉnh/Đơn vị sự nghiệp công lập do cơ quan chuyên môn của UBND cấp tỉnh quản lý (01 biểu)				
1	18a/TP/PC	Số tổ chức và người làm công tác pháp chế tại Cục và tương đương thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh/thành phố, Công an tỉnh/thành phố, doanh nghiệp nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập tại Trung ương và địa phương	Sơ bộ năm/tròn năm	Sở Tư pháp
4.4. Văn phòng đăng ký đất đai (01 biểu)				
1	16b/TP/ĐKBPDĐ	Kết quả đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Sơ bộ năm/tròn năm	Sở Tư pháp
4.5. Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh, thành phố/ Tổ chức ký hợp đồng thực hiện TGPL/Tổ chức đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý (03 biểu)				
1	15a/TP/TGPL	Số lượt người đã được trợ giúp pháp lý	Sơ bộ 6 tháng/sơ bộ năm/tròn năm	Sở Tư pháp

2	15b/TP/TGPL	Số vụ việc trợ giúp pháp lý (TGPL)	Sơ bộ 6 tháng/sơ bộ năm/tròn năm	Sở Tư pháp
3	15c/TP/TGPL	Số tổ chức và số người thực hiện trợ giúp pháp lý (TGPL)	Sơ bộ năm/tròn năm	Sở Tư pháp
4.6. Tổ chức giám định tư pháp công lập ở cấp tỉnh (01 biểu)				
1	12a/TP/GĐTP	Số vụ việc đã thực hiện giám định tư pháp tại các tổ chức giám định tư pháp công lập ở trung ương/địa phương	Sơ bộ năm/tròn năm	Ban, ngành cấp tỉnh; cơ quan chuyên môn của UBND tỉnh quản lý lĩnh vực giám định tư pháp
4.7. Tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc ở địa phương (01 biểu)				
2	12b/TP/GĐTP	Số vụ việc đã thực hiện giám định tư pháp tại các tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc ở trung ương/địa phương và Văn phòng giám định tư pháp ở địa phương	Sơ bộ năm/tròn năm	Ban, ngành cấp tỉnh; cơ quan chuyên môn của UBND tỉnh quản lý lĩnh vực giám định tư pháp
4.8. Văn phòng GDTP ở địa phương (01 biểu)				
1	12b/TP/GĐTP	Số vụ việc đã thực hiện giám định tư pháp tại các tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc ở trung ương/địa phương và Văn phòng giám định tư pháp ở địa phương	Sơ bộ năm/tròn năm	Ban, ngành cấp tỉnh; cơ quan chuyên môn của UBND tỉnh quản lý lĩnh vực giám định tư pháp
4.9. Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản/Doanh nghiệp đấu giá tài sản (01 biểu)				
1	13a/TP/ĐGTS	Số đấu giá viên và kết quả hoạt động đấu giá tài sản của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản	Sơ bộ năm/tròn năm	Sở Tư pháp

4.10. Doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản/ Quản tài viên đăng ký hành nghề cá nhân (01 biểu)				
1	20a/TP/QLTLTS	Số tổ chức và kết quả hoạt động quản lý thanh lý tài sản	Sơ bộ năm/tròn năm	Sở Tư pháp
4.11. Văn phòng Luật sư/Công ty Luật (01 biểu)				
1	11a/TP/LSTN	Số luật sư và kết quả hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	Sơ bộ 6 tháng/sơ bộ năm/tròn năm	Sở Tư pháp
4.12. Phòng công chứng/Văn phòng công chứng (01 biểu)				
1	10a/TP/CC	Tổ chức và kết quả hoạt động của tổ chức hành nghề công chứng	Sơ bộ 6 tháng/sơ bộ năm/tròn năm	Sở Tư pháp
4.13. Trung tâm trọng tài/Chi nhánh, Văn phòng đại diện của tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam (01 biểu) và Trung tâm trọng tài có đăng ký hoạt động hòa giải thương mại (02 biểu)				
1	14a/TP/TTTM	Số tổ chức và kết quả hoạt động của tổ chức trọng tài	Sơ bộ năm/tròn năm	Sở Tư pháp
2	19a/TP/HGTM	Tổ chức và kết quả hoạt động hòa giải thương mại	Sơ bộ năm/tròn năm	Sở Tư pháp
4.14. Trung tâm hòa giải/Chi nhánh, Văn phòng đại diện của tổ chức hòa giải nước ngoài tại Việt Nam/ Hòa giải viên thương mại vụ việc (01 biểu)				
1	19a/TP/HGTM	Tổ chức và kết quả hoạt động hòa giải thương mại	Sơ bộ năm/tròn năm	Sở Tư pháp

4.15. Bộ chỉ huy quân sự tỉnh/thành phố; Công an tỉnh/thành phố (01 biểu)				
1	18a/TP/PC	Số tổ chức và người làm công tác pháp chế tại Cục và tương đương thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh/thành phố, Công an tỉnh/thành phố, doanh nghiệp nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập tại Trung ương và địa phương	Sơ bộ năm/tròn năm	Bộ Quốc phòng/Bộ Công an
4.16. Cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh (01 biểu)				
1	04b/TP/PBGDPL	Kết quả công tác phổ biến giáo dục pháp luật tại cơ quan, tổ chức cấp tỉnh, doanh nghiệp nhà nước do UBND cấp tỉnh quản lý	Sơ bộ 6 tháng/sơ bộ năm/tròn năm	Sở Tư pháp
5. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và một số tổ chức ở Trung ương				
5.1. Bộ, cơ quan ngang Bộ (06 biểu)				
1	01d/TP/TĐ-BH-TĐG	Số DT VBQPPL, số TTHC tại DT VBQPPL của bộ, cơ quan ngang bộ đã thẩm định; số VBQPPL do bộ, cơ quan ngang bộ chủ trì soạn thảo đã được ban hành, có đánh giá tác động giới	Sơ bộ 6 tháng/sơ bộ năm/tròn năm	Bộ Tư pháp (Cục Kế hoạch - Tài chính)
2	02b/TP/KTTTQ	Kết quả kiểm tra, xử lý văn bản theo thẩm quyền tại các bộ, cơ quan ngang bộ	Sơ bộ 6 tháng/sơ bộ năm/tròn năm	Bộ Tư pháp (Cục Kế hoạch - Tài chính)
3	03c/TP/RSVB	Kết quả rà soát văn bản quy phạm pháp luật theo căn cứ là văn bản tại các bộ, cơ quan ngang bộ	Sơ bộ năm/tròn năm	Bộ Tư pháp (Cục Kế hoạch - Tài chính)
4	04d/TP/PBGDPL	Kết quả công tác phổ biến giáo dục pháp luật tại các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Cơ quan Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	Sơ bộ 6 tháng/sơ bộ năm/tròn năm	Bộ Tư pháp (Cục Kế hoạch - Tài chính)
5	12d/TP/GĐTP	Số vụ việc đã thực hiện giám định tư pháp tại bộ, cơ quan ngang bộ	Sơ bộ năm/tròn năm	Bộ Tư pháp (Cục Kế hoạch - Tài chính)

6	18d/TP/PC	Số tổ chức pháp chế và người làm công tác pháp chế tại bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, doanh nghiệp nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ	Sơ bộ năm/tròn năm	Bộ Tư pháp (Cục Kế hoạch - Tài chính)
5.2. Cơ quan thuộc Chính phủ (02 biểu)				
1	04d/TP/PBGDPL	Kết quả công tác phổ biến giáo dục pháp luật tại các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Cơ quan Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	Sơ bộ 6 tháng/sơ bộ năm/tròn năm	Bộ Tư pháp (Cục Kế hoạch - Tài chính)
2	18d/TP/PC	Số tổ chức pháp chế và người làm công tác pháp chế tại bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, doanh nghiệp nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ	Sơ bộ năm/tròn năm	Bộ Tư pháp (Cục Kế hoạch - Tài chính)
5.3. Doanh nghiệp nhà nước ở Trung ương (01 biểu)				
1	18a/TP/PC	Số tổ chức và người làm công tác pháp chế tại Cục và tương đương thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh/thành phố, Công an tỉnh/thành phố, doanh nghiệp nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập tại Trung ương và địa phương	Sơ bộ năm/tròn năm	Bộ chủ quản của Doanh nghiệp nhà nước ở Trung ương
5.4. Các Bộ có thêm biểu báo cáo riêng				
a) Bộ Xây dựng (02 biểu)				
1	16c/TP/ĐKBPBD	Kết quả đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm bằng tàu bay	Sơ bộ năm/tròn năm	Bộ Tư pháp (Cục Kế hoạch - Tài chính)
2	16d/TP/ĐKBPBD	Kết quả đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm bằng tàu biển	Sơ bộ năm/tròn năm	Bộ Tư pháp (Cục Kế hoạch - Tài chính)
b) Bộ Ngoại giao (02 biểu)				

1	08d/TP/CNTN	Kết quả đăng ký nuôi con nuôi trong nước tại cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài	Tròn năm	Bộ Tư pháp (Cục Kế hoạch - Tài chính)
2	09c/TP/CT	Kết quả chứng thực của các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài	Tròn năm	Bộ Tư pháp (Cục Kế hoạch - Tài chính)
5.5. Cơ quan Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (01 biểu)				
1	04d/TP/PBGDPL	Kết quả công tác phổ biến giáo dục pháp luật tại các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Cơ quan Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	Sơ bộ 6 tháng/sơ bộ năm/tròn năm	Bộ Tư pháp (Cục Kế hoạch - Tài chính)
5.6. Tổ chức giám định tư pháp công lập ở Trung ương (01 biểu)				
1	12a/TP/GĐTP	Số vụ việc đã thực hiện giám định tư pháp tại các tổ chức giám định tư pháp công lập ở trung ương/địa phương	Sơ bộ năm/tròn năm	Bộ Tư pháp; Bộ, cơ quan ngang bộ chủ quản của TCGDDTPCL cấp Trung ương
5.7. Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thuộc Bộ Tài chính (01 biểu)				
1	16e/TP/ĐKBPBĐ	Kết quả đăng ký, cung cấp thông tin về chứng khoán đã đăng ký tập trung	Sơ bộ năm/tròn năm	Bộ Tư pháp (Cục Kế hoạch - Tài chính)
6. Các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp				
6.1. Đơn vị thuộc Bộ (02 biểu)				
1	01e/TP/TĐ-BH-BĐG	Số văn bản chính sách, DT VBQPPL do Chính phủ trình đã được Bộ Tư pháp thẩm định; số VBQPPL do Bộ Tư pháp chủ trì soạn thảo đã được ban hành, có đánh giá tác động giới	Sơ bộ 6 tháng/sơ bộ năm/tròn năm	Bộ Tư pháp (Cục Kế hoạch - Tài chính)
2	04d/TP/PBGDPL	Kết quả công tác phổ biến giáo dục pháp luật tại các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Cơ quan Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	Sơ bộ 6 tháng/sơ bộ năm/tròn năm	Bộ Tư pháp (Cục Kế hoạch - Tài chính)

6.2. Các đơn vị thuộc Bộ có thêm biểu báo cáo riêng				
a) Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý XLVPHC (02 biểu)				
1	02b/TP/KTTTTQ	Kết quả kiểm tra, xử lý văn bản theo thẩm quyền tại các bộ, cơ quan ngang bộ	Sơ bộ 6 tháng/sơ bộ năm/tròn năm	Bộ Tư pháp (Cục Kế hoạch - Tài chính)
2	03c/TP/RSVB	Kết quả rà soát văn bản quy phạm pháp luật theo căn cứ là văn bản tại các bộ, cơ quan ngang bộ	Sơ bộ năm/tròn năm	Bộ Tư pháp (Cục Kế hoạch - Tài chính)
b) Vụ Pháp luật quốc tế (01 biểu)				
1	17/TP/TTTT	Số hồ sơ ủy thác tư pháp về dân sự của Bộ Tư pháp	Sơ bộ 6 tháng/sơ bộ năm/tròn năm	Bộ Tư pháp (Cục Kế hoạch - Tài chính)
c) Cục Hành chính tư pháp (01 biểu)				
1	07/TP/QT	Số trường hợp đã được chủ tịch nước cho nhập/trở lại/thôi quốc tịch Việt Nam	Tròn năm	Bộ Tư pháp (Cục Kế hoạch - Tài chính)
d) Vụ Công tác xây dựng VBQPPL (01 biểu)				
1	01g/TP/TĐTTHC	Số TTHC tại DT VBQPPL đã được Bộ Tư pháp thẩm định	Sơ bộ 6 tháng/sơ bộ năm/tròn năm	Bộ Tư pháp (Cục Kế hoạch - Tài chính)
e) Cục Đăng ký giao dịch bảo đảm và Bồi thường nhà nước (01 biểu)				
1	16a/TP/ĐKBPBD	Kết quả đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm, hợp đồng bằng động sản (không phải là tàu bay, tàu biển, chứng khoán đã đăng ký tập trung), bằng cây hằng năm, công trình tạm	Sơ bộ năm/tròn năm	Bộ Tư pháp (Cục Kế hoạch - Tài chính)
e) Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký giao dịch bảo đảm và Bồi thường nhà nước (01 biểu)				

1	16a/TP/ĐKBPBĐ	Kết quả đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm, hợp đồng bằng động sản (không phải là tàu bay, tàu biển, chứng khoán đã đăng ký tập trung), bằng cây hằng năm, công trình tạm	Sơ bộ năm/tròn năm	Cục Đăng ký giao dịch bảo đảm và Bồi thường nhà nước
---	---------------	---	--------------------	--

Phụ lục II**KỲ BÁO CÁO, THỜI ĐIỂM CHỐT SỐ LIỆU BÁO CÁO, THỜI HẠN NHẬN BÁO CÁO**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 17/2025/TT-BTP quy định Chế độ báo cáo thống kê ngành Tư pháp)

STT		Báo cáo sơ bộ 6 tháng		Báo cáo sơ bộ năm		Báo cáo tròn năm	
		Thời gian lấy số liệu thực tế	Thời hạn nhận báo cáo (của đơn vị nhận báo cáo)	Thời gian lấy số liệu thực tế	Thời hạn nhận báo cáo (của đơn vị nhận báo cáo)	Thời gian lấy số liệu thực tế	Thời hạn nhận báo cáo (của đơn vị nhận báo cáo)
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	UBND cấp xã	Từ ngày 01/01 đến ngày 31/5	Ngày 10/6	Từ ngày 01/01 đến ngày 31/10	Ngày 10/11	Từ ngày 01/01 đến ngày 31/12	Ngày 10/01 năm sau
2	- Các tổ chức ở địa phương: Tổ chức hành nghề luật sư; công chứng; bán đấu giá tài sản; giám định tư pháp; hòa giải thương mại; quản lý thanh lý tài sản; đăng ký giao dịch bảo đảm; trợ giúp pháp lý. - Hòa giải viên thương mại vụ việc; Quản tài viên đăng ký hành nghề cá nhân.	Từ ngày 01/01 đến ngày 31/5	Ngày 10/6	Từ ngày 01/01 đến ngày 31/10	Ngày 10/11	Từ ngày 01/01 đến ngày 31/12	Ngày 10/01 năm sau
3	- Ban, ngành cấp tỉnh; cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh; - Doanh nghiệp nhà nước do UBND cấp tỉnh quản lý theo khoản 2 Điều 10 của Nghị định số 55/2011/NĐ-CP	Từ ngày 01/01 đến ngày 31/5	Ngày 10/6	Từ ngày 01/01 đến ngày 31/10	Ngày 10/11	Từ ngày 01/01 đến ngày 31/12	Ngày 10/01 năm sau
4	Sở Tư pháp	Từ ngày 01/01 đến ngày 31/5	Ngày 20/6	Từ ngày 01/01 đến ngày 31/10	Ngày 20/11	Từ ngày 01/01 đến ngày 31/12	Ngày 20/01 năm sau

STT		Báo cáo sơ bộ 6 tháng		Báo cáo sơ bộ năm		Báo cáo tròn năm	
		Thời gian lấy số liệu thực tế	Thời hạn nhận báo cáo (của đơn vị nhận báo cáo)	Thời gian lấy số liệu thực tế	Thời hạn nhận báo cáo (của đơn vị nhận báo cáo)	Thời gian lấy số liệu thực tế	Thời hạn nhận báo cáo (của đơn vị nhận báo cáo)
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
5	- Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ - Các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp	Từ ngày 01/01 đến ngày 31/5	Ngày 20/6	Từ ngày 01/01 đến ngày 31/10	Ngày 20/11	Từ ngày 01/01 đến ngày 31/12	Ngày 20/01 năm sau
6	Tổ chức giám định tư pháp công lập ở Trung ương; Tổ chức giám định theo vụ việc; Văn phòng giám định tư pháp ở địa phương			Từ ngày 01/01 đến ngày 31/10	Ngày 05/11	Từ ngày 01/01 đến ngày 31/12	Ngày 05/01 năm sau
7	- Tổ hòa giải; - Cục và tương đương thuộc bộ/cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; - Doanh nghiệp Nhà nước ở Trung ương; - Đơn vị sự nghiệp thuộc bộ/cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; - Bộ chỉ huy quân sự/Công an tỉnh/thành phố; - Đơn vị sự nghiệp công lập do UBND cấp tỉnh quản lý; - Đơn vị sự nghiệp công lập do cơ quan chuyên môn của UBND cấp tỉnh quản lý.	Từ ngày 01/01 đến ngày 31/5	Ngày 05/6	Từ ngày 01/01 đến ngày 31/10	Ngày 05/11	Từ ngày 01/01 đến ngày 31/12	Ngày 05/01 năm sau